

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022
Sản phẩm: **Linalool**

Phiên bản: 4.0

(30034999/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Linalool

Sử dụng: Hóa chất, Chemical for detergents, Cosmetic and oral care chemical, flavoring substance

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:
Chất lỏng dễ cháy: Cat.4
Độc cấp tính: Cat.5 (tiếp xúc miệng)
Ăn da/ kích ứng da: Cat.2
Thương tổn mắt/ kích ứng mắt nghiêm trọng: Cat.2A
Chất gây dị ứng da: Cat.1B
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022
 Sản phẩm: **Linalool**

Phiên bản: 4.0

(30034999/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025



Cảnh báo:
 Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H227	Chất lỏng cháy được.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H315	Gây kích ứng da.
H303	Có thể nguy hại khi nuốt phải.
H317	Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H402	Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ và bảo vệ mắt/ mặt. Tránh hít phải sương hoặc hơi hoặc bụi nước
P280	Mang dụng cụ bảo vệ mắt.
P210	Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa hở/các bề mặt nóng. – Không hút thuốc.
P273	Tránh thải vào môi trường.
P272	Áo quần làm việc bị nhiễm bẩn hóa chất không được phép mang ra khỏi khu vực làm việc.
P264	Rửa kỹ với nhiều nước và xả phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P305+P351+P338	NẾU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch.
P302+P352	NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
P333+P313	Nếu kích ứng da kéo dài hoặc bị phát ban: Yêu cầu trợ giúp y tế
P301+P312	KHI NUỐT PHẢI: Liên hệ với Trung Tâm Chất Độc hay bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
P332+P313	Nếu kích ứng da xuất hiện: Yêu cầu trợ giúp y tế
P362 + P364	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
P337+P313	Nếu kích ứng mắt kéo dài: Yêu cầu trợ giúp y tế
P370 + P378	Khi xảy ra cháy: Sử dụng bọt foam chống nhóm chức rượu, CO2, bột hoá chất khô hoặc bụi nước để dập lửa.

Lưu ý khi bảo quản:

P403	Cất trữ ở nơi được thông thoáng tốt.
------	--------------------------------------

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022
 Sản phẩm: **Linalool**

Phiên bản: 4.0

(30034999/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 09.10.2025

Trạng thái chất: Chất

3,7-dimethyloctadien-1,6-ol-3
 Số CAS: 78-70-6

Thành phần nguy hại

3,7-dimethyloctadien-1,6-ol-3

Hàm lượng (W/W): $\geq 75\%$ - $\leq 100\%$

Số CAS: 78-70-6

Flam. Liq.: Cat. 4

Acute Tox.: Cat. 5 (tiếp xúc miệng)

Skin Corr./Irrit.: Cat. 2

Eye Dam./Irrit.: Cat. 2A

Skin Sens.: Cat. 1B

Aquatic Acute: Cat. 3

D,L-alpha-tocopherol

Hàm lượng (W/W): $> 0\%$ - $< 0.1\%$

Số CAS: 10191-41-0

Skin Sens.: Cat. 1B

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:
 Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
 Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:
 Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:
 Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:
 Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:
 Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.
 Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
 Phun nước, cacbon dioxide, bột khô, bột chịu cồn

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022
Sản phẩm: **Linalool**

Phiên bản: 4.0

(30034999/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 09.10.2025

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:
Vòi phun nước

Những mối nguy hiểm cụ thể:
các oxit cacbon, những chất dạng hơi có hại
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy. Chất lỏng dễ cháy

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:
Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:
Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Không hít thở hơi/bụi nước Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:
Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:
Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bao phủ bằng lớp bột foam (rượu - chống foam). Bơm hút sản phẩm.
Cho phần còn lại: Chứa đựng với vật liệu hấp thụ (vd. cát, gien silica, chất gắn axit, chất gắn đa năng, mùn cưa).
Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Mặc quần áo bảo hộ lao động và đeo thiết bị bảo vệ mắt/ mặt phù hợp Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Giữ thùng chứa thật kín. Sản phẩm có thể gây các triệu chứng kích ứng; nên rửa tay sau khi tiếp xúc.

Phòng chống cháy nổ:

Sản phẩm dễ cháy. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện. Nếu tiếp xúc với cháy, giữ mát các thùng chứa bằng cách phun nước. Hơi có thể hình thành hỗn hợp nổ với khí.

Hướng dẫn bảo quản

Nhạy mùi: Cách ly với các chất phát sinh mùi.
Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát. Bảo vệ các thùng chứa không bị hư hỏng vật lý.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ cao hơn hoặc tác động lâu dài: Bộ lọc khí dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ (điểm sôi >65 °C, vd EN 14387 Loại A)

Bảo vệ tay:

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thấm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1):

cao su butil - bề dày lớp phủ 0.7 mm

cao su nitril (NBR) - bề dày lớp phủ 0.4 mm

fluoroelastomer (FKM) - Lớp phủ độ dày 0.7 mm

Các vật liệu thích hợp cho tiếp xúc ngắn hạn (khuyến cáo: Ít nhất là chỉ số bảo vệ 2, tương ứng > 30 phút thời gian thấm thấu theo EN ISO 374-1)

cao su chloropren (CR) - Bề dày lớp phủ 0.5 mm

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng
Màu sắc:	không màu
Mùi:	mùi hương hoa
Ngưỡng mùi:	< 100 ppm

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022
 Sản phẩm: **Linalool**

Phiên bản: 4.0

(30034999/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

Giá trị pH:	4.5 (1.45 g/l, 25 °C)	
Điểm nóng chảy:	< -100 °C	(OECD-Hướng dẫn 102)
nhiệt độ quá nhiệt của thủy tinh:	-99 °C	
Điểm sôi:	196.3 °C (1,013.25 hPa)	(OECD- Hướng dẫn số 103)
Điểm chớp cháy:	77.2 °C	(ISO 2719, cốc kín)
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	Chất lỏng cháy được.	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	260 °C	(Chỉ thị 92/69/EEC, A.15)
Phân huỷ do nhiệt:	tương đương ≥ 260 °C	(DDK (DIN 51007))
Tự bắt cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Không áp dụng, sản phẩm là chất lỏng	
Nguy cơ nổ:	không nổ	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	0.3 hPa (20 °C) động lực	(được đo lường)
Tỷ trọng:	0.862 g/cm ³ (20 °C, 1,013 hPa)	(tỷ trọng kế)
Tỷ trọng tương đối:	0.862 (20 °C)	
Tỷ trọng hơi (không khí):	> 1 (20 °C) Nặng hơn không khí.	(được tính toán)
Tính tan trong nước:	1.45 g/l (25 °C, 1,013 hPa)	
Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:	các dung môi hữu cơ hoà tan	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022
Sản phẩm: **Linalool**

Phiên bản: 4.0

(30034999/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 09.10.2025

Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): 2.7 (25 °C)	(OECD-Hướng dẫn 107)
Hấp thụ/nước - đất: Sức căng bề mặt:	KOC: 56.32; biểu đồ KOC: 1.75 (được tính toán)
	Dựa trên cấu trúc hóa học, không có khả năng có bề mặt hoạt tính.
Tính nhớt, động lực:	4.46 mPa.s (25 °C)
	Dữ liệu tài liệu.
Tính nhớt, động học:	tương đương 5.19 mm ² /s (25 °C)
Khối lượng mol:	154.25 g/mol

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân hủy do nhiệt: tương đương ≥ 260 °C (DDK (DIN 51007))

Những chất cần tránh:
các axit

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:

Tăng nhiệt dưới sự ảnh hưởng của các axit.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:

Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

11. Thông tin về độc tính

Các đường phơi nhiễm

Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): 2,790 mg/kg

Dữ liệu tài liệu.

Độ độc cấp tính trên da

LD50 thỏ (da): 5,610 mg/kg

Dữ liệu tài liệu.

Đánh giá độ độc cấp tính

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022
Sản phẩm: **Linalool**

Phiên bản: 4.0

(30034999/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 09.10.2025

độc tính thấp sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Tiếp xúc da gây kích ứng. Tiếp xúc với mắt gây kích ứng.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: Gây kích ứng. (OECD hướng dẫn 404)

Dữ liệu tài liệu.

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: Gây kích ứng. (OECD hướng dẫn 405)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Là nguyên nhân gây mẫn cảm da trong nghiên cứu động vật.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm LLNA chuột: làm mẫn cảm da (OECD Hướng dẫn 429)

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Các kết quả từ nhiều cuộc nghiên cứu đột biến với các vi sinh vật cho thấy có hiện tượng cấy tế bào động vật có vú. Khi xem xét các thông tin, không có dấu hiệu cho thấy bị đột biến chất.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Tất cả những thông tin hiện có của chúng tôi cho thấy không có bất cứ dấu hiệu nào về tác động gây ung thư.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Những nghiên cứu trên động vật đã không biểu thị tác dụng gia tăng độc tính với mỗi liều không độc cho động vật bố mẹ.

Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022
Sản phẩm: **Linalool**

Phiên bản: 4.0

(30034999/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 09.10.2025

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Những tác động lên thận của chuột cái đã được ghi nhận sau khi tiếp xúc lặp lại. Những tác động này chỉ đặc trưng đối với chuột cái và được chứng minh không liên quan đến sức khỏe con người.

Nguy cơ khi hít vào

Không có sẵn các dữ liệu.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Tác hại cấp tính cho thủy sinh vật. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 27.8 mg/l, *Oncorhynchus mykiss* (OECD - Hướng dẫn 203, tính điện)

Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) 59 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tính điện)

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 156.6 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Desmodesmus subspicatus* (DIN 38412 Phần 9, tính điện)

Vì sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC10 (3 h) > 100 mg/l, (Hướng dẫn OECD 209, tính điện)

Độc mãn tính cho loài cá:

Không cần thiết tiến hành các nghiên cứu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Không cần thiết tiến hành các nghiên cứu.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:

60 - 70 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301D; EEC 92/69, C.4-E) (hiếu khí, nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt đô thị)

Đánh giá tính ổn định trong nước:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022
Sản phẩm: **Linalool**

Phiên bản: 4.0

(30034999/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 09.10.2025

Không cần thiết tiến hành các nghiên cứu.

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Bởi vì hệ số tích lũy giữa n-octanol/nước trong sinh khối là không hoàn toàn bình thường.

13. Thông tin về thải bỏ

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Special precautions for user	None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp	Không áp dụng

Air transport

IATA/ICAO	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping	Not applicable

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.09.2022
 Sản phẩm: **Linalool**

Phiên bản: 4.0

(30034999/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in): 09.10.2025

hợp của Liên Hợp Quốc:		name:	
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng	Transport hazard class(es):	Not applicable
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng	Packing group:	Not applicable
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng	Environmental hazards:	Not applicable
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin	Special precautions for user	None known

15. Thông tin về pháp luật

Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có). - Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.